TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

KHU VỰC 3 – NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/06/2026
Về việc: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Danh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Thế Anh

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Cao Thị Vân – Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An tham gia phiên toà: bà Phạm Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2026 về: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2026/QĐ-DS ngày 12/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt);
Số CCCD 040184024476 cấp ngày 15/01/2025
Nơi cư trú: xóm T, xã A, tỉnh Nghệ An
- Bị đơn: anh **Cao Văn T1**, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Số CCCD 040083021130 cấp ngày 16/12/2021
Nơi cư trú: xóm T, xã A, tỉnh Nghệ An
Hiện đang ở nước Pháp, không rõ địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Sau quá trình tìm hiểu yêu đương, chị và anh Cao Văn T1 đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 07/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D (nay là xã A), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc và hòa thuận. Tuy nhiên, đến năm 2021 thì anh T1 đi xuất khẩu lao động tại nước Pháp. Thời gian

đầu vợ chồng có liên lạc với nhau qua mạng xã hội nhưng sau đó thì thưa dần. Do khoảng cách địa lý, chênh lệch múi giờ và công việc nên vợ chồng dần ít liên lạc với nhau hơn dẫn đến tình cảm phai nhạt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T1. Từ trước tới nay anh T1 chỉ liên lạc qua mạng xã hội nên địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài chị không rõ.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung: Cao Thị Phương A, sinh ngày 31/8/2009, Cao Thị Như Ý, sinh ngày 15/6/2015, Cao Nguyễn Băng T2, sinh ngày 24/7/2018 và Cao Thiên Â, sinh ngày 15/4/2020. Ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, xác minh tại công an xã A, tỉnh Nghệ An thì anh Cao Văn T1, sinh ngày 01/7/1983 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã A, tỉnh Nghệ An. Con ông Cao Văn T3 (đã chết) và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1953 đều trú tại xóm T, xã A, tỉnh Nghệ An. Theo thông tin từ ban cán sự xóm, anh Cao Văn T1 hiện đang đi xuất khẩu lao động tại nước Pháp từ năm 2022. Các con chung của anh Cao Văn T1 hiện đang sống cùng với mẹ tại xóm T, xã A, tỉnh Nghệ An.

Theo Công văn số 1686/QLXNC-Đ1 ngày 16/4/2026 của phòng Q Công an tỉnh N, anh Cao Văn T1, sinh ngày 01/7/1983 đã xuất cảnh lần đầu ngày 18/6/2010, nhập cảnh ngày 08/6/2012 qua cửa khẩu S bằng hộ chiếu số B3983658. Xuất cảnh gần nhất ngày 22/10/2021 qua cửa khẩu S bằng hộ chiếu số C9797256, hiện tại trên hệ thống chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Qua tra cứu dữ liệu hệ thống quán L, không hiển thị thông tin Quốc gia công dân đi đến nên không có cơ sở để trả lời. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt cho người thân và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Cao Văn T1.

Tại đơn đề nghị giải quyết vụ án bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ của anh Cao Văn T1) trình bày: Hiện nay, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Nghệ An đang giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị T và anh Cao Văn T1 nhưng con trai bà hiện đang đi xuất khẩu lao động tại nước Pháp nên không thể về Việt Nam để giải quyết được, hiện nay bà không biết địa chỉ của anh T1 ở nước ngoài nên không thể cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên, anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc về nhà cho gia đình qua điện thoại nên các thủ tục do Tòa án thông báo cho anh T1, bà đã nhận, thông báo đầy đủ đến anh T1 và anh T1 đồng

ý theo đơn khởi kiện của chị T. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện hỗ trợ cho chị T trong các thủ tục giải quyết vụ án vì thực tế hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, tình cảm đã hết, khó có cơ hội đoàn tụ. Bà cam kết chịu trách nhiệm về các nội dung trên.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Tòa án mở phiên tòa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định tại điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Toà án áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Cao Văn T1; về con chung: Giao con chung Cao Thị Phương A, sinh ngày 31/8/2009, Cao Thị Như Ý, sinh ngày 15/6/2015, Cao Nguyễn Băng T2, sinh ngày 24/7/2018 và Cao Thiên Â, sinh ngày 15/4/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; việc cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung và nợ: không yêu cầu giải quyết; án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cao theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Cao Văn T1 có đăng ký hộ khẩu tại xóm T, xã A, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Nghệ An theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định hiện nay anh Cao Văn T1 đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, xác minh tại nơi đăng kí

hộ khẩu thường trú đối với anh Cao Văn T1 và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, thân nhân đã có văn bản trình bày ý kiến. Do đó căn cứ vào các điều 70, điều 207, điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết và xét xử vắng mặt anh Cao Văn T1.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và Cao Văn T1 là hoàn toàn hợp pháp, việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống giữa chị T và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách, thiếu sự hòa hợp nên dẫn đến tình cảm phai nhạt. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị T cũng xác định không còn tình cảm gì với anh T1 nữa, hiện nay đã sống ly thân nhau, không có khả năng đoàn tụ với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Riêng anh T1, sau khi được người nhà thông báo toàn bộ nội dung khởi kiện của chị T thì anh cũng không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ rằng mối quan hệ giữa chị T và anh T1 đã thực sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Cao Văn T1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là Cao Thị Phương A, sinh ngày 31/8/2009, Cao Thị Như Ý, sinh ngày 15/6/2015, Cao Nguyễn Băng T2, sinh ngày 24/7/2018 và Cao Thiên Â, sinh ngày 15/4/2020, hiện nay đang ở với chị T. Ly hôn chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi trưởng thành. Xét nguyên đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, có thu nhập kinh tế ổn định, đủ các điều kiện cơ sở vật chất để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, căn cứ điều kiện nuôi con thực tế và nguyện vọng của các con chung nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Cao Văn T1.

[4]. Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227, 228 điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56; điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Cao Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung Cao Thị Phương A, sinh ngày 31/8/2009, Cao Thị Như Ý, sinh ngày 15/6/2015, Cao Nguyễn Băng T2, sinh ngày 24/7/2018 và Cao Thiên Â, sinh ngày 15/4/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Cao Văn T1.

Anh Cao Văn T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, án phí của chị T được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002032 ngày 25/3/2026.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật .

Anh Cao Văn T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND Khu vực 3 – Nghệ An;*
- *THA dân sự tỉnh Nghệ An;*
- *UBND xã An Châu;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Danh Hùng